

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung của học phần

1.1. Mã học phần: 2010192	1.2. Tên học phần: Giới thiệu ngành học Tài chính – Ngân hàng
1.3. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt	1.4. Tên tiếng Anh: Introduction to Banking & Financial Services
1.5. Số tín chỉ:	02
1.6. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Bài tập và Thảo luận nhóm:	15 tiết
- Thực hành	
- Tự học:	60 giờ
1.7. Các giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):	
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Thị Xuân Lan
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phan Minh Đạt TS. Trần Văn Tiếng
1.8. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
1.9. Đơn vị phụ trách học phần:	Khoa Kinh tế – Tài chính
1.10. Ngành đào tạo:	Tài chính – Ngân hàng

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Học phần này giúp sinh viên tìm hiểu được ý nghĩa, vai trò của ngành Tài chính – Ngân hàng trong nền kinh tế, những vị trí nghề nghiệp dành cho cử nhân ngành TCNH, những nội dung kiến thức, kỹ năng mà sinh viên sẽ được học trong toàn bộ chương trình đào tạo. Học phần cũng trang bị cho sinh viên một số kỹ năng mềm để giúp sinh viên làm quen với môi trường và phương pháp học ở bậc đại học, qua đó, sinh viên có thể phát huy tối đa năng lực cá nhân, chủ động và sáng tạo trong quá trình học tập, chuẩn bị cho việc phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Hoàn tất học phần này, sinh viên có các khả năng sau:

2.2.1. Về kiến thức:

- Diễn giải được ý nghĩa, vai trò của ngành TCNH;
- Liệt kê được ít nhất 5 loại tổ chức mà cử nhân ngành TCNH có thể làm việc;

- Liệt kê được ít nhất 5 vị trí công việc mà cử nhân ngành TCNH có thể ứng tuyển;
- Trình bày những phẩm chất nghề nghiệp mà cử nhân ngành TCNH cần có.

2.2.2. Về kỹ năng:

- Nâng cao khả năng tư duy, sáng tạo;
- Hình thành kỹ năng làm việc nhóm;
- Nâng cao kỹ năng giao tiếp.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân:

- Hình thành phương pháp học ở bậc đại học;
- Chủ động, linh hoạt, tích cực học tập để không ngừng cải thiện năng lực chuyên môn.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (HP)

Bảng 3.1. Chuẩn đầu ra (CĐR) của học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLO)
CLO1	Liệt kê các vị trí công việc mà SV có thể làm việc sau khi tốt nghiệp
CLO2	Liệt kê được các khối kiến thức và cho ví dụ về các học phần tương ứng trong CTĐT ngành TCNH
CLO3	Hình thành phương pháp học ở đại học
CLO4	Giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả
CLO5	Phát triển năng lực tư duy, sáng tạo
CLO6	Chủ động nghiên cứu, hình thành ý thức học tập suốt đời

4. Mối liên hệ giữa CĐR HP (CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp của CLO vào PLO được xác định cụ thể:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

Chú thích: H - Cao, M - Vừa, L - Thấp - phụ thuộc vào mức hỗ trợ của CLO đối với PLO ở mức bắt đầu (L) hoặc mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ... (mức M) hay mức thuần thục (H)

Bảng 4.1. Mối liên hệ của CĐR HP (CLO) đến CĐR của CTĐT (PLO)

	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
CLO1	M	M						L		L	
CLO2	M	M						L		L	
CLO3					M	H					
CLO4					M	H					
CLO5							H				
CLO6								H			
Tổng hợp HP	M	M			M	H	H	H		L	

5. Đánh giá HP

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 5.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV ở HP

Đánh giá	Trọng số	Hình thức đánh giá	Nội dung	Trọng số con	Phương pháp đánh giá	Liên quan đến CĐR	HD PP đánh giá
----------	----------	--------------------	----------	--------------	----------------------	-------------------	----------------

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
(1) Điểm quá trình	40%	Chuyên cần	Tham gia \geq 80% số buổi	20%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- Điểm danh
		Kiểm tra thường xuyên	Kiến thức đã học ở các buổi học trước/ngay trong buổi học	80%	Đánh giá hoạt động trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Kiểm tra miệng - Bài kiểm tra trắc nghiệm - Bài thực hành
(2) Điểm cuối kỳ	60%	Thi cuối kỳ	Kiến thức toàn bộ học phần		Bài thi kết thúc HP	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Đánh giá qua bài thi Trắc nghiệm

b. Chính sách đối với HP

- Điểm Chuyên cần được tính như sau:

Sinh viên tham gia \geq 12 buổi học : 10 điểm;
 10-11 buổi học : 9 điểm;
 08-09 buổi học : 8 điểm;
 06-07 buổi học : 7 điểm;
 04-05 buổi học : 5 điểm;
 \leq 04 buổi học : 0 điểm;

- Bài thi kết thúc HP sẽ dùng để đánh giá mức độ kiến thức đối với HP như sau:

+ Điểm 4,0-5,4: SV đáp ứng yêu cầu đánh giá ở mức độ nhớ được các nội dung lý thuyết.

+ Điểm 5,5-6,9: SV thể hiện được khả năng sử dụng các nội dung lý thuyết khi đưa ra các kết luận trong bài thi.

+ Điểm 7,0-8,4: SV thể hiện được khả năng lập luận logic, mạch lạc, kết cấu hợp lý được khi đưa ra các kết luận trong bài thi.

+ Điểm 8,5-10: SV thể hiện được tuy duy sáng tạo, tư duy tổng hợp cao trong bài thi; vận dụng được các thông tin và lập luận xác đáng/thuyết phục cao khi đưa ra các kết luận.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 6.1. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của HP

Buổi	Nội dung	Số tiết	CĐR của bài học	Liên quan đến CĐR	PP giảng dạy đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Bài 1: Giới thiệu ngành TCNH 1.1. Ý nghĩa, vai trò của ngành TCNH trong nền kinh tế 1.1.1. Ý nghĩa, vai trò của ngành “Tài chính” 1.1.2. Ý nghĩa, vai trò của hệ thống ngân hàng 1.1.3. Môi liên hệ giữa tài chính & ngân hàng 1.2. Các ngành nghề liên quan đến ngành học 1.3. Cơ hội làm việc và học tập nâng cao trình độ	3	1.1. Diễn giải được ý nghĩa tài chính, ngân hàng 1.2. Trình bày vai trò ngành TCNH 1.3. Trình bày được ý nghĩa hoạt động tài chính của các chủ thể khác 1.4. Cho ví dụ về ngành nghề liên quan	CLO1 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Phát ý tưởng	-Nghe giảng - Phát ý tưởng	
2	Bài 2: Chương trình đào tạo ngành TCNH	3	2.1. Cho ví dụ về phẩm chất nghề nghiệp đối với cử nhân ngành TCNH	CLO2 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực	-Nghe giảng	

	<p>2.1. Yêu cầu phẩm chất nghề nghiệp đối với cử nhân ngành TCNH</p> <p>2.2. Điều kiện tốt nghiệp</p> <p>2.3. Chương trình đào tạo ngành TCNH</p> <p>2.3.1. Chuẩn đầu ra</p> <p>2.3.2. Các khối kiến thức và các học phần</p>		<p>2.2. Nêu điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành TCNH</p> <p>2.3. Kể tên ít nhất 2 học phần liên quan tới từng khối kiến thức thuộc CTĐT ngành TCNH</p>		- Phát ý tưởng	- Phát ý tưởng	
3	<p>Bài 3: Phương pháp học ở bậc đại học</p> <p>3.1. Môi trường học ở bậc đại học</p> <p>3.2. Mục tiêu học tập ở đại học</p> <p>3.3. Những sai lầm mà sinh viên hay mắc phải</p> <p>3.4. Học tập theo quy tắc POWER</p> <p>3.5. Các kỹ năng học tập</p> <p>3.5.1. Xây dựng kế hoạch học tập</p> <p>3.5.2. Kỹ năng đọc tài liệu</p> <p>3.5.3. Kỹ năng nghe, ghi chép</p> <p>3.5.4. Kỹ năng thuyết trình/báo cáo</p>	3	<p>3.1. Trình bày được sự khác biệt giữa học ở bậc đại học so với học ở phổ thông</p> <p>3.2. Thực hành xây dựng kế hoạch học tập</p> <p>3.3. Hình thành phương pháp đọc tài liệu</p>	CLO3 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực	-Nghe giảng	Kiểm tra thường xuyên
4	<p>Bài 4: Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>4.1. Những vấn đề dẫn đến làm việc nhóm không thành công</p> <p>4.2. Tại sao phải làm việc nhóm</p> <p>4.3. Cách kết nối đội nhóm</p> <p>4.4. Vai trò của từng cá nhân trong nhóm và sự kết hợp</p>	3	<p>1. Trình bày những vấn đề dẫn đến làm việc nhóm không thành công</p> <p>2. Trình bày tại sao phải làm việc nhóm</p> <p>3. Trình bày cách kết nối đội nhóm</p>	CLO4 CLO6	- Thuyết giảng - Hướng dẫn làm việc nhóm - Đưa ra tình huống để thảo luận	- Nghe giảng, ghi chú - Trả lời câu hỏi - Thảo luận nhóm theo chủ đề	- Chuyên cần - Kiểm tra thường xuyên
5	<p>Bài 4: Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>4.5. Tầm nhìn và tinh thần của nhóm</p> <p>4.6. Kế hoạch, trách nhiệm và phân chia nhiệm vụ</p> <p>4.7. Giải quyết mâu thuẫn</p>	3	<p>4. Trình bày vai trò của từng cá nhân trong nhóm và sự kết hợp</p> <p>5. Trình bày tầm nhìn và tinh thần của nhóm</p>	CLO4 CLO6	- Thuyết giảng - Hướng dẫn làm việc nhóm - Đưa ra tình huống để thảo luận	- Nghe giảng, ghi chú - Trả lời câu hỏi - Thảo luận nhóm theo chủ đề	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra thường xuyên
6	<p>Bài 4: Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm</p> <p>4.8. Giao tiếp, cách lắng nghe và chia sẻ</p> <p>4.9. Quy tắc đội nhóm</p> <p>4.10. Ôn tập, thực hành, lên kế hoạch bản thân</p>	3	<p>6. Trình bày kế hoạch, trách nhiệm và phân chia nhiệm vụ</p> <p>7. Trình bày cách giải quyết mâu thuẫn</p> <p>8. Trình bày giao tiếp, cách lắng nghe và chia sẻ</p> <p>9. Trình bày quy tắc đội nhóm</p>	CLO4 CLO6	- Thuyết giảng - Hướng dẫn làm việc nhóm - Đưa ra tình huống để thảo luận - Hướng dẫn thực hành & lập kế hoạch bản thân	- Nghe giảng, ghi chú - Trả lời câu hỏi - Thảo luận nhóm theo chủ đề	- Chuyên cần - Bài tập - Kiểm tra thường xuyên
7	<p>Bài 5: Rèn luyện tư duy sáng tạo</p> <p>5.1. Các khái niệm</p> <p>5.1.1. Sáng tạo</p> <p>5.1.2. Vấn đề/ bài toán</p> <p>5.1.3. Tư duy sáng tạo</p> <p>5.2. Các cấp độ tư duy sáng tạo</p>		<p>5.1. Phân biệt được các khái niệm <i>sáng tạo, vấn đề, tư duy sáng tạo.</i></p> <p>5.2. Xác định được các độ khó của sáng tạo/ vấn đề</p>	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Nghiên cứu tình huống	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra	Kiểm tra thường xuyên

					- Thảo luận nhóm		
8	Bài 5: Rèn luyện tư duy sáng tạo (tt) 5.3. Các yếu tố ngăn cản quá trình tư duy sáng tạo 5.3.1. Trí nhớ 5.3.2. Ngôn ngữ 5.3.3. Các mức hiểu 5.3.4. Tính ì tâm lý -Tính ì tâm lý thiếu -Tính ì tâm lý thừa -Tính thiếu tự tin, mặc cảm trong sáng tạo	3	5.3. Hiểu được các yếu tố ngăn cản quá trình tư duy sáng tạo 5.4. Khắc phục những yếu tố cản trở quá trình suy nghĩ	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Thuyết giảng kiểu tích cực - Nghiên cứu tình huống. - Thảo luận nhóm	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra. -Giải quyết các vấn đề GV nêu	Kiểm tra thường xuyên
9	Bài 5: Rèn luyện tư duy sáng tạo (tt) 5.4. Các yếu tố thúc đẩy quá trình tư duy sáng tạo 5.4.1. Ký hiệu 5.4.2. Hình vẽ 5.4.3. Sự liên tưởng 5.4.3. Trí tưởng tượng 5.4.4. Tư duy nhạy bén	3	5.3. Hiểu được các yếu tố thúc đẩy quá trình tư duy sáng tạo. 5.4. Vận dụng được những yếu tố thúc đẩy quá trình suy nghĩ giải quyết vấn đề.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực - Nghiên cứu tình huống. -Thảo luận nhóm	-Nghe giảng -Nghiên cứu tình huống do GV đưa ra -Giải quyết các vấn đề GV nêu	Kiểm tra thường xuyên
10	Bài 5: Rèn luyện tư duy sáng tạo (tt) 5.5. Một số phương pháp tư duy sáng tạo 5.5.1. Bản đồ tư duy (Mind-mapping method) 5.5.2. Phương pháp thử & sai 5.5.3. Phương pháp đối tượng tiêu điểm 5.5.4. Phương pháp phân tích hình thái 5.5.5. Phương pháp não công (Brainstorming method)	3	5.5. Sử dụng các phương pháp phát ý tưởng 5.6. Vận dụng được các phương pháp tích cực hoá tư duy.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-Thuyết giảng kiểu tích cực -Thảo luận nhóm	-Nghe giảng -Thảo luận nhanh (3 phút) - Đưa ra kết quả thảo luận	Kiểm tra thường xuyên

7. Học liệu:

Bảng 7.1. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Bento C. Leal III Page	2018	4 Essential Keys to Effective Communication in Love, Life, Work-- Anywhere!	CreateSpace Independent Publishing Platform
Sách, giáo trình tham khảo				
2	John C. Maxwell	2009	Teamwork 101: What Every Leader Needs to Know	HarperCollins Leadership

3	Blair Singer	2012	Team Code of Honor: The Secrets of Champions in Business and in Life	Blair Singer
4	Phan Dũng	2010	Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới (tập 1)	Nxb. Trẻ
5	Trần Văn Tiếng	2015	Tài liệu hướng dẫn học tập môn Phương pháp luận sáng tạo (Giải quyết vấn đề và ra quyết định), (lưu hành nội bộ).	HUFLIT

Bảng 7.2. Danh mục địa chỉ web hữu ích cho HP

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Chính sách mới ; Ngân hàng ; Tài chính DN	http://tapchitaichinh.vn	01/9/2019
2	Cơ chế chính sách ; Nghiên cứu trao đổi ; Thị trường tài chính	http://tapchinganhang.com.vn/	01/9/2019

8.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

Bảng 8.1. Cơ sở vật chất giảng dạy của HP

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Hội trường Lầu 6, SVH	Máy chiếu	01	Toàn bộ HP
2		Bảng , viết bảng	01	
3		Laptop	01	

TP.HCM, ngày tháng năm 2019

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn